CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 68/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2013*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm tiền gửi

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm tiền gửi.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm tiền gửi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, người được bảo hiểm tiền gửi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

Điều 3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là tổ chức tài chính nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là pháp nhân, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí. Nguồn thu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được miễn nộp các loại thuế.

3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được trích một phần nguồn thu từ hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để bù đắp chi phí. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định mức cụ thể được trích.

Điều 4. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi của cá nhân, bao gồm ngân hàng thương mại,

ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tài chính vi mô phải tham gia bảo hiểm tiền gửi đối với tiền gửi của cá nhân bao gồm cả tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô, trừ tiền gửi tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô.

3. Ngân hàng chính sách không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 5. Tham gia bảo hiểm tiền gửi

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này phải tham gia bảo hiểm tiền gửi và niêm yết công khai bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở chính, chi nhánh và các điểm giao dịch có nhận tiền gửi của cá nhân.

Chương II
HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 6. Cấp chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai trương hoạt động, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp đủ hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Luật Bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 7. Cấp lại chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép phục hồi hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi và bản sao văn bản cho phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc phục hồi hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

2. Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bị mất, rách nát, hư hỏng được cấp lại trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

3. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp có sự thay đổi thông tin Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn

đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi và bản sao văn bản chứng minh sự thay đổi thông tin của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 8. Nguyên tắc cung cấp thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Bảo đảm tính trung thực, khách quan, kịp thời và đầy đủ theo quy định.

2. Tổ chức được cung cấp thông tin có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin được cung cấp theo đúng quy định của pháp luật.

3. Việc cung cấp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 9. Cung cấp thông tin của tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng nhà nước Việt Nam các thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Bảo hiểm tiền gửi.

2. Khi thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 10 Điều 13 Luật Bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp:

a) Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vi phạm quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng hoặc vi phạm các quy định về pháp luật ngân hàng khác;

b) Hoạt động của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có nguy cơ dẫn đến mất khả năng chi trả, thất thoát tài sản hoặc có tác động tiêu cực tới các tổ chức tín dụng khác.

Điều 10. Cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được tiếp cận dữ liệu thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 13 Luật Bảo hiểm tiền gửi.

2. Các thông tin được tiếp cận từ dữ liệu thông tin của Ngân hàng Nhà nước cụ thể như sau:

a) Một số chỉ tiêu báo cáo theo chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Báo cáo tài chính của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

c) Thông tin về việc cấp Giấy phép, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thông tin về việc tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

d) Thông tin về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

đ) Thông tin về việc kiểm soát đặc biệt tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định pháp luật về kiểm soát đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng;

e) Các thông tin khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể về các nội dung thông tin, phương thức tiếp cận thông tin của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 11. Hỗ trợ tài chính đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi không đủ để trả tiền bảo hiểm

1. Trường hợp nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tạm thời không đủ để trả tiền bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc được vay của tổ chức tín dụng, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tài chính:

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi gửi 01 bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau đây đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc đề nghị Chính phủ bảo lãnh để vay từ tổ chức tín dụng, tổ chức khác do người có thẩm quyền của tổ chức bảo hiểm ký, trong đó nêu rõ số tiền cần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc cần Chính phủ bảo lãnh để vay từ tổ chức tín dụng, tổ chức khác; thời hạn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc thời hạn bảo lãnh vay và các nội dung cần thiết khác;

b) Kế hoạch trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm;

c) Phương án, kế hoạch hoàn trả nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc hoàn trả khoản vay từ tổ chức tín dụng, tổ chức khác;

d) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc xem xét, quyết định bảo lãnh cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức khác.

Điều 12. Ủy quyền trả tiền bảo hiểm

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được ủy quyền cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi chi trả số tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi. Việc ủy quyền phải thông qua hợp đồng ủy quyền trả tiền bảo hiểm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Nội dung hợp đồng ủy quyền phải nêu rõ trách nhiệm của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi trong việc sử dụng số tiền do tổ chức bảo hiểm tiền gửi chuyển để chi trả đúng thời hạn, đúng số lượng, đúng đối tượng được trả tiền bảo hiểm.

3. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được tổ chức bảo hiểm tiền gửi ủy quyền chi trả tiền bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện:

a) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng trong thời gian tối thiểu 6 tháng gần nhất trước thời điểm chi trả tiền bảo hiểm;

b) Có mạng lưới đặt ở địa điểm thích hợp cho việc chi trả tiền bảo hiểm.

Điều 13. Nhận tiền bảo hiểm

Khi nhận tiền bảo hiểm, người được bảo hiểm tiền gửi phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu. Trường hợp người nhận tiền bảo hiểm là người được ủy quyền, người thừa kế của người được bảo hiểm tiền gửi, ngoài việc xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, phải xuất trình các giấy tờ chứng minh tư cách là người được ủy quyền, người thừa kế của người được bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

Trường hợp gửi tiền tiết kiệm, người được bảo hiểm tiền gửi phải xuất trình thẻ tiết kiệm.

Trường hợp mua giấy tờ có giá do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành, người được bảo hiểm tiền gửi phải xuất trình chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu.

Điều 14. Tham gia quản lý, thanh lý tài sản và thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi tham gia quản lý, thanh lý tài sản và thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi là tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi tham gia quản lý, thanh lý tài sản và thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi là chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương III
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 15. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức bảo hiểm tiền gửi;

b) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi; thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi; quyết định cơ cấu tổ chức của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kiểm soát viên của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng, ban hành chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan

Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi tại địa phương.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

Chứng nhận bảo hiểm tiền gửi được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục có giá trị sử dụng, trừ chứng nhận bảo hiểm tiền gửi đã được cấp cho tổ chức không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi. Chứng nhận bảo hiểm tiền gửi đã được cấp cho tổ chức không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi hết giá trị sử dụng.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2013.

2. Các quy định của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 về bảo hiểm tiền gửi và Nghị định số 109/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2005 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Các quy định về phí bảo hiểm tiền gửi, số tiền bảo hiểm được trả tại Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 về bảo hiểm tiền gửi và Nghị định số 109/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các quy định về khung phí bảo hiểm tiền gửi, hạn mức trả tiền bảo hiểm theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng